

Số: 455/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 31 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 366/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1978. Nơi ĐKKHKT: phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị L và anh Nguyễn Tấn H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trương Thị L, anh Nguyễn Tấn H xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thọ, sinh ngày 10/12/2000 và Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 24/3/2010. Chị Trương Thị L, anh Nguyễn Tấn H thoả thuận: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh cho chị Trương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Ngọc Anh thành niên (đủ 18 tuổi) anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng (Một

triệu đồng) kể từ ngày Quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Anh thành niên (đủ 18 tuổi). Còn cháu Nguyễn Ngọc Thọ đã thành niên (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị L, anh Nguyễn Tấn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị L, anh Nguyễn Tấn H thỏa thuận: Chị Trương Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn theo quy định là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0000062 ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Trương Thị L đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường Phú Bình, TP.Huế;
- (ĐKKH số 107, ngày 27/8/2002)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân